

TRAO ĐỔI

# CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP CỦA TRƯƠNG ĐỊNH KHÔNG NẪM NGOÀI CHỦ TRƯỞNG CỦA VUA TỰ ĐỨC

Nguyễn Nặc Xuan\*



Chân dung Trương Định, trích trong *Việt Nam thế kỷ 19* của Nguyễn Phan Quang, Nxb Tp Hồ Chí Minh, tr. 427.



Hình 1. Tấm biển gắn trên vách đền thờ Trương Định tại thị xã Gò Công.

Nhân đến tham quan đền thờ và lăng mộ của Trương Định ở đường Lý Thường Kiệt, phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, một anh bạn nhà văn cùng đi chỉ một trong những tấm biển treo trên vách đền thờ và hỏi tôi:

- Anh nghĩ gì về nội dung tấm biển viết: “*Triều đình Huế không nhìn nhận chúng ta, nhưng chúng ta cứ bảo vệ tổ quốc chúng ta...*” Tuyên bố của Trương Định trả lời thư dụ hàng của Bô-Na một tháng cuối năm 1862. (Hình 1).

Bị hỏi hơi đột ngột nên tôi phải định thần một chút rồi mới đáp được:

- Tôi không rõ câu này được trích từ tài liệu gốc nào. Nói về hình thức thì tôi thấy có 2 việc không chuẩn:

1. Trích thư Trương Định trả lời cho Bonard (ngôi thứ hai) thì phải viết là **chúng tôi** (ngôi thứ nhất, số nhiều có nghĩa là Trương Định và nghĩa quân của ông) chứ? Sao lại là **chúng ta**? Bonard đứng cùng phe với Trương Định à?

2. Năm 1862, dân tộc ta chưa dùng chữ “tổ quốc”, mà thường dùng từ *son hà, xã tắc* mà thôi. Cho Trương Định dùng chữ **tổ quốc** thì mới quá, dễ gây ra cho khách tham quan cảm giác người thời nay bịa ra bức thư của Trương Định, chứ không phải của Trương Định. Nói về nội dung (nếu đây

là tài liệu lịch sử có thật, chỉ sai cách dùng chữ của người dịch mà thôi), thì có hai cách hiểu:

- Trương Định chống lệnh triều đình Huế bắt mình phải ngưng chiến đấu và rút đi nơi khác, ông bất chấp lệnh ấy, vẫn tiếp tục chiêu mộ nghĩa quân bám trụ địa bàn, thể kháng Pháp đến cùng.

\* Thành phố Huế.

- Trương Định đỡ đòn cho triều đình Huế, chứng tỏ triều đình Huế đã thực hiện nghiêm túc Hòa ước Nhâm Tuất (1862) loại bỏ lực lượng nghĩa quân của Trương Định rồi, Trương Định từ nay nằm ngoài vòng cương tỏa của triều đình Huế. Triều đình Huế không còn trách nhiệm gì về sự tồn tại của Trương Định ở Nam Kỳ nữa. Tôi thiên về cách nghĩ thứ hai này.

Anh bạn nhà văn bảo tôi:

- Là một người nghiên cứu triều Nguyễn, anh nên viết rõ về cách nghĩ của anh để người xem bảo tàng, người học lịch sử hiểu đúng lịch sử.

- Vâng, tôi sẽ cố gắng.

\*  
\*       \*

Hàng trăm năm nay đã có nhiều bài, nhiều công trình, nhiều hội thảo nghiên cứu về người anh hùng dân tộc Trương Định, đã đưa vào sách giáo khoa, trong bài viết này tôi không lặp lại mà chỉ xin căn cứ trên các bộ sử chính thức của Quốc Sử Quán triều Nguyễn (*Đại Nam liệt truyện*, *Đại Nam thực lục chính biên*, *Quốc triều chánh biên toát yếu*) và các tài liệu của thực dân Pháp... để tìm hiểu chính sách của triều Nguyễn, cụ thể là của vua Tự Đức đối với cuộc kháng chiến chống Pháp của Trương Định như thế nào mà thôi.

Nhiều sử sách đã viết: Trương Định (1820-1864) người gốc Quảng Ngãi, con quan Lãnh binh Trương Cầm. Năm 1844, ông theo cha vào Gò Công. Năm 1854, ông nhờ gia đình vợ là bà Lê Thị Thuởng giúp mộ dân khẩn hoang lập đồn điền vùng đất thấp ven biển. Ông có lòng thương dân, lại có tài tổ chức, nên quy tụ được nhiều người theo ông khai khẩn đất đai lập nên đồn điền Gia Thuận hoàn chỉnh, sản xuất tốt. Đặc biệt dân đồn điền được ông tổ chức thành những đơn vị dân quân, khi nông nhàn thì lo luyện tập quân sự, sẵn sàng trấn áp bọn trộm cướp. Hàng năm, nhà nước tổ chức cho dân đồn điền thao dượt ở Sài Gòn, dân quân Gia Thuận của Trương Định luôn luôn được biểu dương. Khi quân Pháp đánh chiếm Nam Kỳ (1859), đội quân đồn điền của Trương Định chuyển qua chống ngoại xâm. Tháng 2 năm 1859, quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, Nguyễn Tri Phương xây lũy Chí Hòa để chống giữ, Trương Định đem quân đồn điền lên đóng ở Thuận Kiều hỗ trợ, giúp quân Nguyễn đánh thắng nhiều trận ở Cây Mai, Thị Nghè, v.v... Chiến công được nhắc đến nhiều là trận đánh ngày 17/12/1860, nghĩa quân của Trương Định phục kích ở một nơi gần chùa Khải Tường (vị trí xây dựng nhà thờ Đức Bà sau này), giết được tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé. Quân công của Trương Định được tâu về Huế cho vua Tự Đức. Nhà vua rất mừng và phong cho Trương Định làm Quán cơ (trật Chánh tứ phẩm), rồi giao cho chức Phó Lãnh binh (chức võ quan nắm quân đội một tỉnh). Việc này được *Đại Nam thực lục chính biên* (viết tắt là *Thực lục*) - bộ sử biên niên chính thức của triều Nguyễn, ghi lại như sau:

### **Tháng 8 ÂL (1861)**

*“Phó Quản cơ Gia Định là Trương Định (người huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, con tên Lãnh binh Trương Cẩm), chiêu mộ những thủ đông, có nhiều người đi theo, thường cùng quân Tây dương chống đánh nhau đặc lực, Thự Tuần phủ là Đỗ Quang đem việc tâu lên. Vua cất nhắc cho làm Quản cơ, rồi lĩnh chức Phó Lãnh binh. Khi ấy Đỗ Quang chiêu võ Trương Định mộ thành 6 cơ, gần hơn 6.000 người. Tri phủ phủ Phúc Tuy là Nguyễn Thành Ý, tùy phái là Phan Trung, mỗi người đều mộ được 2 cơ, hợp cộng 4.000 người, lại đang tiếp tục mộ, kể ước tới hàng vạn”.<sup>(1)</sup>*

Đến đầu thế kỷ XX, thời Pháp thuộc, Cao Xuân Dục chủ biên tóm tắt toàn bộ bộ *Thực lục* 38 tập gọn lại thành một tập với tên gọi *Quốc triều chánh biên toát yếu* (viết tắt *Quốc triều*), sự kiện trên vẫn được ghi:

### **Tháng 7 ÂL (1861)**

*“Phó Quản cơ Gia Định là Trương Định (người huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, con quan Lãnh binh Trương Cẩm), mộ binh đông lắm, thường cự đánh quân Đại Pháp. Việc ấy tâu lên, ngài cho thăng Quản cơ, rồi lại cho lãnh Phó Lãnh binh.”<sup>(2)</sup>*

Nhưng sau đó, trước sức tấn công của tàu đồng, đại bác của đội quân tinh nhuệ Tây phương, đồn Chí Hòa thất thủ, Trương Định rút quân về Gò Công. Đoán biết sau khi chiếm Sài Gòn, giặc sẽ về đánh chiếm Mỹ Tho, Gò Công, Trương Định cho củng cố lại hàng ngũ dân quân, sử dụng súng đại bác chiến lợi phẩm đặt vào những nơi hiểm yếu, đắp nhiều vật cản trên sông rạch để làm vật chướng ngại ngăn không cho các tàu chiến lớn nhỏ của giặc len lỏi vào. Đặt bản doanh tại Gò Công, công cuộc kháng chiến của Trương Định lúc đầu đạt được kết quả tốt. Cuộc kháng chiến đó không những được nông dân “ứng nghĩa” đi theo đông đảo mà bắt đầu được thân hào, thân sĩ mộ nghĩa ủng hộ rất nhiều. Việc này cũng đã được *Quốc triều* ghi lại:

### **Tháng 2 (1862)**

Cho biết đầu năm 1862 Pháp chiếm Biên Hòa, *“khiến Phó Lãnh binh Gia Định là Trương Định kiêm làm đầu mục mộ nghĩa. Trương Định đóng đồn tại Gò Công, thường lừa đánh quân Đại-Pháp, thân sĩ theo nhiều.”<sup>(3)</sup>*

Công cuộc kháng chiến đã làm cho thực dân Pháp đau đầu, trong nội bộ địch đã xuất hiện ý tưởng bỏ cuộc rút quân về Pháp. Nhưng không ngờ, các đại thần nhà Nguyễn đứng đầu là hai đại thần Phan Thanh Giản và Lâm Duy Tiếp, không nắm được thông tin đó nên đã hạ bút ký Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) với Pháp để có hòa bình ở miền Nam, tập trung lực lượng đối phó với thực dân trên đất Bắc. Thực hiện điều 11 của Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), triều đình giao cho Phan Thanh Giản thông dụ cho các lực lượng vũ trang ở Nam Kỳ ngừng chiến, rút Trương Định ra Phú Yên. Dân chúng phản đối hiệp ước, lên án hai ông Phan Thanh Giản và Lâm Duy Tiếp (Dân gian có câu: *Phan Lâm mãi quốc, Triều đình khí dân*). Dân chúng Biên Hòa, Gia Định, Định Tường đoàn kết tôn Trương Định lên làm “đại đầu mục” tiếp

tục kháng chiến. Vì thế Trương Định không ra Phú Yên theo lệnh của triều Nguyễn do Phan Thanh Giản thông dụ. Trương Định không ra Phú Yên nên bị Phan Thanh Giản thay mặt triều đình cách hết chức hàm (tức chức Quản cơ, Phó Lãnh binh). Sự kiện quan trọng này được *Thực lục* viết rõ:

### **Tháng 7 ÂL (1862)**

*“Từ khi hòa ước đã thành, thông dụ cho Nam Kỳ nghỉ quân, đổi Trương Định về Phú Yên. Khi ấy những nhân dân ứng nghĩa ở Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, không chịu theo, tụ họp đoàn kết, sau tôn Trương Định làm người đại đầu mục, tâu bày xin ra đánh giặc. Đình thần cho rằng việc miền Bắc đang khẩn mà việc miền Nam chưa có cơ hội. Lại sai Phan Thanh Giản đi hiểu dụ. Trương Định lâu không đến nhận chức, bèn cách chức hàm”.*<sup>(4)</sup>

Ký hiệp ước thì phải thi hành. Triều Nguyễn đã ký hiệp ước trong thế yếu, mang tính chiến thuật, nhưng việc “mưu chuyện lấy lại nước” là chuyện không thể không tính tới. Phan Thanh Giản thay mặt triều đình ký hiệp ước thì phải thi hành hiệp ước, buộc Trương Định phải ngưng chiến thì phía Pháp mới thi hành hiệp ước trả lại thành Vĩnh Long cho nước Đại Nam (Theo điều 11). Phan Thanh Giản thông dụ Trương Định, Trương Định không thi hành. Tướng Pháp chiêu dụ Trương, Trương cũng từ chối. Không còn cách nào hơn, Phan Thanh Giản phải yêu cầu triều đình “xuống sắc” buộc Trương Định phải ngưng chiến. *Thực lục* phản ánh lại tình hình đó:

### **Tháng 10 ÂL (1862)**

*“Phan Thanh Giản hăng dụ Trương Định, Định thể không cùng giặc cùng sống. Bình dân ứng nghĩa ở 6 tỉnh thuộc vào trong bộ ngũ của Trương Định đều cùng cầm cự chống lại giặc Tây dương. Tướng nước Phú (tức tướng Pháp) chiêu dụ Định, Định không chịu khuất, Thanh Giản lại xin (vua Tự Đức) xuống sắc để dụ Định”.*

Trước yêu cầu của Phan Thanh Giản như thế, vua Tự Đức không giấu được chính sách “hai mặt” của ông. Nước yếu nên phải ký hòa ước hòa bình để đợi thời cơ mưu lấy lại nước, trong lúc “hòa bình” vẫn phải chuẩn bị lực lượng để chiến đấu khi thời cơ đến. Phan Thanh Giản không hiểu chính sách đó nên đã bị vua Tự Đức phê phán một cách nặng nề rằng:

*“Vua bảo các thị thần rằng: “**Lòng người như thế, cũng là một sự giúp cho cuộc mưu tính lấy lại, há lẽ nào cứ răn dụ lật vật mãi**”.*<sup>(5)</sup>

Không những không buộc Trương Định ngưng chiến ở Nam Kỳ và rút ra Phú Yên, ngược lại vua Tự Đức đã bí mật ngầm giao cho Trương Định trọng trách kháng chiến quan trọng hơn. Chúng ta có thể biết được qua những hoạt động ngầm của triều Nguyễn dành cho Trương Định trước và sau khi ông hy sinh và đặc biệt qua vai trò của bà Trần Thị Sanh (em con cô ruột của bà Từ Dũ, mẹ vua Tự Đức) làm “vợ nhỏ” của Trương Định.

Từ sau khi Trương Định bị cách hết chức tước (7/1862) cho đến ngày Trương Định hy sinh (20/8/1864), về công khai không thấy *Thực lục* ghi chép một điều gì liên quan đến Trương Định nữa cả. Tuy nhiên, cũng chính khi công bố cách hết chức tước ấy, vua Tự Đức đã bí mật sai quan mang “thánh chỉ” vào Gò Công, phong cho Trương Định chức Bình Tây Đại tướng quân. Có lẽ để tránh cho vua Tự Đức lỗi “vi phạm hiệp ước” với Pháp nên Trương Định cho rằng cái chức “Bình Tây Đại tướng quân” là do nhân dân và nghĩa sĩ suy tôn ông mà có. Thông tin về sự kiện bí mật ấy đã được Gustave Janneau đề cập đến trong “Hai bản báo cáo quân sự về tướng Võ Duy Dương” (Deux rapports militaires du Général Vo Duy Duong), đăng trên *Tạp chí Đông Dương* (*Revue Indochinoise*) số 2 năm 1914:

“...Tháng 7 (1862), (Võ Duy) Dương phát lời kêu gọi nhân dân ở Định Tường nổi lên từng toán và chiến đấu lại.

Trong lúc ấy, ông Phó Lãnh binh Trương Định đang ở tại Gia Định viết thư cho ông Dương để trình bày là ông (Dương) sẽ gặp nguy hiểm khi hoạt động riêng lẻ và mời ông (Dương) về đây thống nhất lực lượng hai bên. Ông còn nêu địa điểm hội kiến tại huyện Tân Hòa.

Để thỏa thuận giao ước này, ông Dương đã phái Giáo thọ Nguyễn Hữu Huân đến Tân Hòa gặp quan Thị vệ Nguyễn Thị. **Ông này mang về cho Quân Định một thánh chỉ phong cho ông (Trương Định) chức Bình Tây Đại tướng quân, thống lĩnh chỉ huy các toán quân trong ba tỉnh (NĐX nhấn mạnh).** Giáo thọ Huân sau đó quay trở lại tỉnh Định Tường ngay. Ông Dương và ông Huân đều nhận chức Chánh Đề đốc và Phó Đề đốc. Cả hai ông cũng nhận luôn cả ấn triện!”<sup>(6)</sup>

Tài liệu cho biết Trương Định được “thánh chỉ” của vua Tự Đức phong chức Bình Tây Đại tướng quân và cả ấn triện (giống như hai ông Chánh, Phó Đề đốc). Dù không công bố, nhưng Trương Định rất tự hào với chức vụ quan trọng được vua ban ấy. Ông đã viết hịch kêu gọi bá tánh ứng nghĩa với hào khí của một vị tướng quân trước có vua sau có xã tắc:

“...Chốn biên thùy lãnh ấn Tổng binh,  
Cờ đề chữ Bình Tây Đại tướng”

.....

“Trước trí quân ư Nghiêu, Thuấn thượng  
Sau vì xã tắc thần  
Phải càn lời rao khắp muôn dân.  
Sửa tác dạ dất dùi về một mối,  
Bớ trẻ, già, bé, lớn, ai ai  
Đều bội ám đầu mình cho kíp...”

(Hịch Quân Định)

Từ năm 1862 trở đi, ở một vài nơi *Thực lục* (tr. 1.007 và 1.030) viết về Trương Tuệ, con trai của Trương Định chứ không viết gì về Trương Định cả. Đột nhiên đến năm 1874 (mười năm sau ngày Trương Định hy sinh), qua việc xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tâu xin giúp đỡ cho vợ

góa của Trương Định là bà Lê Thị Thuởng, ta thấy tình cảm chân thật của vua Tự Đức dành cho Trương Định bộc lộ qua việc giúp đỡ cho vợ góa của ông. Sách viết:

**Tháng 11 ÂL (1874)**

*“Sai cấp tiền, gạo cho vợ nguyên An Giang Lãnh binh Trương Định đã chết (Thị Thuởng).*

*(Trước người nước Pháp đánh chiếm các tỉnh ở Nam Kỳ, Trương Định mộ quân chống đánh, sau thua bị chết, con là Tuệ sau cũng chết về việc quân, vợ Định là Lê Thị Thuởng không chỗ nương nhờ, trở về nguyên quán ở xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, quan tỉnh ấy thấy **Định là người nghĩa khái đáng khen** (NĐX nhấn mạnh), mà vợ viên ấy có một thân một mình, nghèo khổ ốm đau, tình thật đáng thương, tâu xin giúp, được Chỉ chuẩn cho cấp mỗi tháng 20 quan tiền, 2 phương gạo, hết đời thì thôi).<sup>(7)</sup>*

Đoạn trích trên ghi chức của Trương Định nguyên là *An Giang Lãnh binh*. Chức này vua Tự Đức phong cho Trương Định khi nào? Trong *Thực lục* chưa hề ghi Trương Định về kháng chiến ở An Giang (phía tây của tỉnh Định Tường). Phải chăng vua Tự Đức đã phong bí mật? Tuy không công bố nhưng trong thực tế là có thật. Mà trong thực tế thì Trương Định chỉ chiến đấu và hy sinh ở Gò Công thuộc tỉnh Định Tường sao lại được phong làm Lãnh binh ở An Giang? Phải chăng cần phải ghi sai địa phương như thế để đối phó với thực dân Pháp? Qua chi tiết nhỏ này ta thấy triều Nguyễn phải đối phó với thực dân Pháp không những trên mặt quân sự mà còn cả trên mặt ngoại giao khó khăn đến như thế nào.

Cấp tiền, cấp lương thực cho vợ Trương Định xong, bốn năm sau triều Nguyễn lại cấp ruộng để đời đời thờ cúng Trương Định:

**Tháng 4 ÂL (1878)**

*“Cho ruộng thờ cúng Lãnh binh đã chết là Trương Định. Khi bấy giờ Bố chánh tỉnh Quảng Ngãi là Trà Quý Bình tâu lên nói, một nhà Trương Định, cha con trung nghĩa, trên soi xét đến biết đã lâu, xin cấp cho ruộng thờ cúng, để sung vào đền hương...”.<sup>(8)</sup>*

Rồi ba năm sau nữa triều Nguyễn cho làm đền để thờ Trương Định, cấp thêm cho vợ Trương Định mỗi tháng 10 quan tiền. Như vậy triều Nguyễn đã làm đền thờ Trương Định, cấp cho 5 mẫu ruộng để thờ cúng, cấp cho bà vợ góa mỗi tháng 30 quan tiền, 1 phương gạo và lệnh cho địa phương cho người thường xuyên đến thăm hỏi, chăm sóc bà.

**Tháng 2 ÂL (1881)**

*“Làm đền thờ viên Lãnh binh đã chết tỉnh An Giang là Trương Định. Vua thương Định là người trung, năm trước đã cấp cho 5 mẫu ruộng thờ cúng, đến nay lại sai làm đền ở xã Tư Cung, tỉnh Quảng Ngãi để thờ. (Vợ viên ấy là Lê Thị Thuởng, trước đã được hằng tháng cấp cho 20 quan tiền, 1 phương gạo, nay lại cho mỗi tháng thêm 10 quan, sai xã ấy thời thường thăm hỏi).<sup>(9)</sup>*

Qua chính sử của nhà Nguyễn, chúng ta thấy Trương Định được triều Nguyễn xem như một anh hùng liệt sĩ của dân tộc. Do hoàn cảnh phải đối phó với thực dân Pháp nên khi thuận lợi thì công bố, khi thử thách khó khăn thì lãnh đạo bí mật chứ chưa bao giờ triều Nguyễn, cụ thể là vua Tự Đức không công nhận Trương Định cả.

Ngoài việc lãnh đạo trực tiếp (qua con đường công khai hay bí mật) vua Tự Đức còn phó thác cho dòng họ ngoại Phạm Đăng của ông ở Gò Công hỗ trợ cho Trương Định chống Pháp. Sau khi quân Pháp đánh chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ, vua Tự Đức đã bí mật cử ngay ông Phạm Đăng Thuật (em út Hoàng Thái hậu Từ Dũ, chồng công chúa Vĩnh Trinh, phò mã của vua Minh Mạng) vào Gò Công bàn việc chiến đấu giữ đất (trong đó có mồ mả dòng họ ngoại Phạm Đăng của nhà vua). Nhưng không may, ông phò mã cậu ruột của vua đã mất trên đường khi chưa hoàn thành được nhiệm vụ. Sự kiện này không ghi trong *Thực lục* nhưng được đề cập đến khi Quốc Sử Quán triều Nguyễn viết về công chúa Vĩnh Trinh trong *Liệt truyện* như sau:

Quy Đức công chúa Vĩnh Trinh (1824-1892): “Năm thứ 14 (1861), *Nam Châu có động, Thuật* (tức Phạm Đăng Thuật) *vâng mật chiếu đi Gia Định phóng sát, chết trong khi làm công việc*”.<sup>(10)</sup>

Ông Phạm Đăng Thuật chết, trong họ Phạm Đăng ở Gò Công còn có một người cháu ngoại nổi tiếng giàu, đẹp là bà Trần Thị Sanh, con gái ông Bá hộ Trần Văn Đỗ (1780-1860) và bà Phạm Thị Phụng (1782-1875). Bà Phạm Thị Phụng là em gái đại thần Phạm Đăng Hưng (1765-1825), cô ruột của bà Phạm Thị Hằng (Hoàng Thái hậu Từ Dũ) và phò mã Phạm Đăng Thuật. Nói cách khác bà Thái hậu Từ Dũ Phạm Thị Hằng (1810-1901) - thân mẫu của vua Tự Đức và bà Trần Thị Sanh (1820-1882) là chị em cậu cô ruột. Trước khi được tiến cung, bà Phạm Thị Hằng sống trong gia đình cô Phụng, được học chữ Hán với dượng là Trần Văn Đỗ, được học nữ hạnh với cô Phụng và đã từng bông bế em gái nhỏ hơn mình mười tuổi là Trần Thị Sanh. Chị em rất thương yêu nhau. Do mối thân tình đó mà bà Trần Thị Sanh ở Gò Công cũng được dân chúng xem như người của “hoàng gia Nguyễn”. Năm 19 tuổi, Trần Thị Sanh thành hôn với bá hộ Dương Tấn Bốn. Hai vợ chồng được hưởng của hồi môn của hai gia đình, lại thuộc gia đình “ngoại thích” của hoàng gia, có thế lực, buôn bán lúa gạo, khai khẩn nhiều ruộng đất, nổi tiếng giàu nhất Gò Công. Hai ông bà sống hạnh phúc gần 20 năm. Năm 1860, ông Dương Tấn Bốn qua đời để lại cho bà Trần Thị Sanh toàn bộ gia sản và người con gái tên là Dương Thị Hương (sinh năm 1844). Dù đã thành góa phụ, bà Sanh cũng chỉ mới bốn mươi tuổi, sắc đẹp đang độ chín, người hoàng gia, lại giàu có nhất ở Gò Công... vị thế ấy ở Nam Kỳ khó có người với tới. Nhưng rồi, không lâu sau khi chồng chết, con người có vị thế cao sang giàu có ấy, vào khoảng năm 1862, đã “hạ giá” làm “vợ nhỏ” của lãnh tụ nghĩa quân chống Pháp Trương Định. Cuộc hôn nhân này xảy ra đột ngột, chúng tôi nghĩ nếu không phải do một “mật chỉ” của Hoàng Thái hậu Từ Dũ và vua Tự Đức thì không thể nào giải thích được. Trần Thị Sanh nhận làm vợ nhỏ của Trương Định sau khi triều đình ký Hòa ước Nhâm

Tuất (1862) với Pháp. Về mặt công khai triều đình Huế không còn liên hệ đến các lực lượng chống Pháp ở Gò Công nữa. Dù chúng ta chưa khẳng định được sự kiện bà Trần Thị Sanh có nhận được “mật chỉ” của vua Tự Đức hay không, nhưng việc bà Sanh nhận làm “vợ nhỏ” của Trương Định lúc đó có giá trị như người đại diện cho triều Nguyễn ở bên cạnh người anh hùng chống Pháp Trương Định. Bà Sanh cung cấp tiền bạc, lúa gạo, chiêu mộ dân chúng theo Trương Định kháng chiến. Về phía Trương Định, có bà vợ “hoàng gia” uy thế của nghĩa quân cũng được nâng cao, thuận với lòng dân Nam Bộ khi nào cũng tưởng nhớ đến công ơn mở cõi của các chúa Nguyễn. Trong sử của triều Nguyễn không nói gì về mối liên hệ của triều Nguyễn với Trương Định sau ngày ký Hòa ước Nhâm Tuất, nhưng trong tài liệu lưu trữ của Pháp thì được xác nhận rõ ràng. Xin trình bày sau đây:

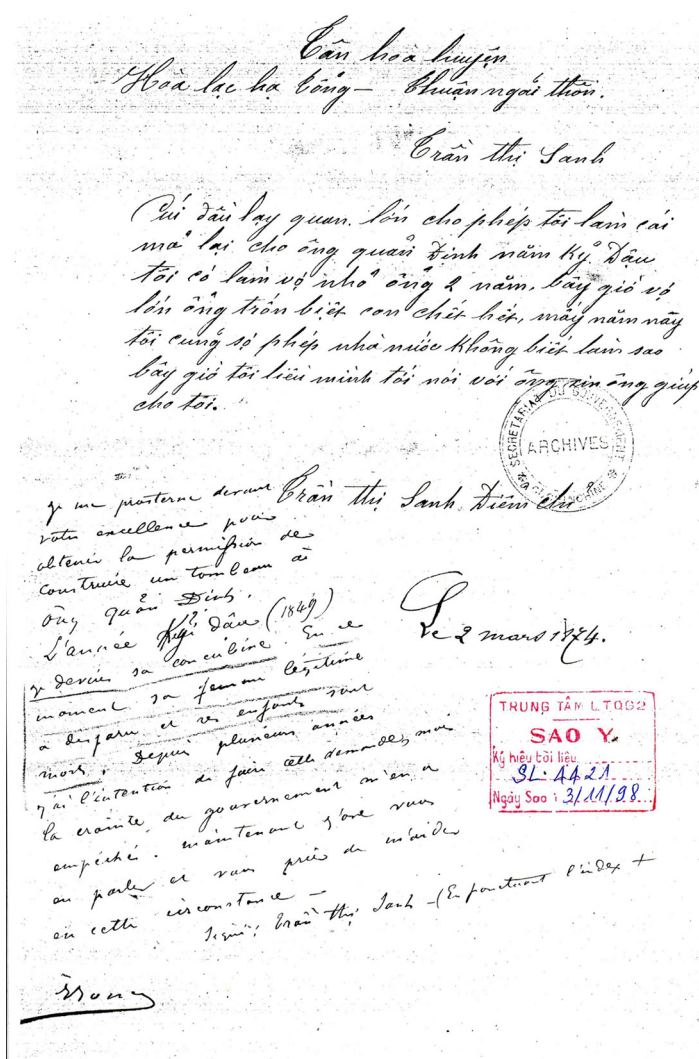
Đêm 19 rạng ngày 20/8/1862, sau khi triệt hạ được mật khu Đám Lá Tối Trời, quân Pháp lấy được nhiều tài liệu có liên quan đến công cuộc kháng chiến của Trương Định. Trong cuốn *Địa chí tỉnh Gò Công* (Mono-graphie de la Province de Gò Công, 1936), người đứng đầu tỉnh Grimald viết: “*Các giấy tờ có ghi chép nhiều điều lý thú, tên tuổi của những kẻ tòng phạm và nhất là sự giao thiệp mua bán lương thực của một nhà buôn ở Phan Rí, tỉnh Bình Thuận. Rõ ràng hơn cả là có sự tòng phạm của triều đình Huế*” (NĐX nhấn mạnh). Triều đình Huế lúc đó là ai, tài liệu không nói rõ, chúng tôi nghĩ không ai khác hơn là tay chân của bà Trần Thị Sanh.

Sau khi Trương Định tự sát, giặc kéo xác ông về phơi giữa trung tâm huyện lỵ Tân Hòa (nay thuộc Phường 1, thị xã Gò Công) để làm nản lòng những người còn tin tưởng vào nghĩa quân. Nhưng bà Sanh không nản, đêm đêm bà cho cháu lên ra thắp hương cho Trương Định rồi bà cùng với người em kế là Trần Văn Toàn tự Tú Hội (1824-1888) làm đơn vận động đưa xác Trương Định về táng ngay trên đất họ Trần nhà bà. Mộ của Trương công được làm bằng hồ ô dước và trên bia đá có khắc mấy chữ: *Đại Nam An Hà Lãnh binh kiêm Bình Tây Đại Tướng quân, Trương Công hús Định chi mộ*.

Theo Hoàng Ngọc Hùng-thầy giáo, chuyên gia về lịch sử Gò Công, cho biết:

Tám bia tồn tại được vài năm, bọn Tây vì phải dẹp mãi quân nghĩa dũng quấy rối ở Gò Công, chúng cho là dư đảng của Trương Định vẫn còn nên đến mộ Trương Định tra xét dòng chữ trên bia nêu trên. Bọn Pháp tức giận gọi bà Trần Thị Sanh đến trách rằng đất này thuộc Pháp, triều đình có gì phong tước cho Trương công. Tây phạt bà Sanh 10.000 quan tiền vì tội khắc bia trái phép. Chúng cho đục bỏ hàng chữ “Bình Tây Đại tướng quân” khắc trên bia mộ ông.

Tưởng như thế đã xong, mười năm sau (1874), bà Sanh lại viết đơn gửi Chánh Tham biện hạt Gò Công xin tu sửa mộ cho chồng. Lá đơn lịch sử này còn lưu giữ ở Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II (TP Hồ Chí Minh) được sao lại dưới đây:



Hình 2. Bản sao tờ đơn viết tay của bà Trần Thị Sanh đề ngày 2/3/1874 gửi cho Thực dân Pháp xin trùng tu ngôi mộ của Trương Định.

“Tân hòa huyện.

Hòa lạc Tổng. Thuận ngãi thôn.

Trần Thị Sanh

Cúi đầu lạy quan lớn cho phép tôi làm cái mã lại cho ông quản Định năm Kỷ Dậu<sup>(1)</sup> tôi có làm vợ nhỏ ông hai năm, bây giờ vợ lớn ông trốn biệt, con chết hết, mấy năm nay tôi cũng sợ phép nhà nước không biết làm sao bây giờ tôi liệu mình, tôi nói với ông xin ông giúp cho tôi.

Trần Thị Sanh Điểm chỉ.  
Le 2 mars 1874”

Lá đơn được chấp thuận với những lý lẽ được nêu trong tờ trình của địa phương gửi lên cấp trên có nhiều chi tiết đáng lưu ý như sau (Bản dịch của Bửu Ý):

“Gò Công, ngày 2 tháng 8 năm 1874,

Kính gửi Giám đốc,

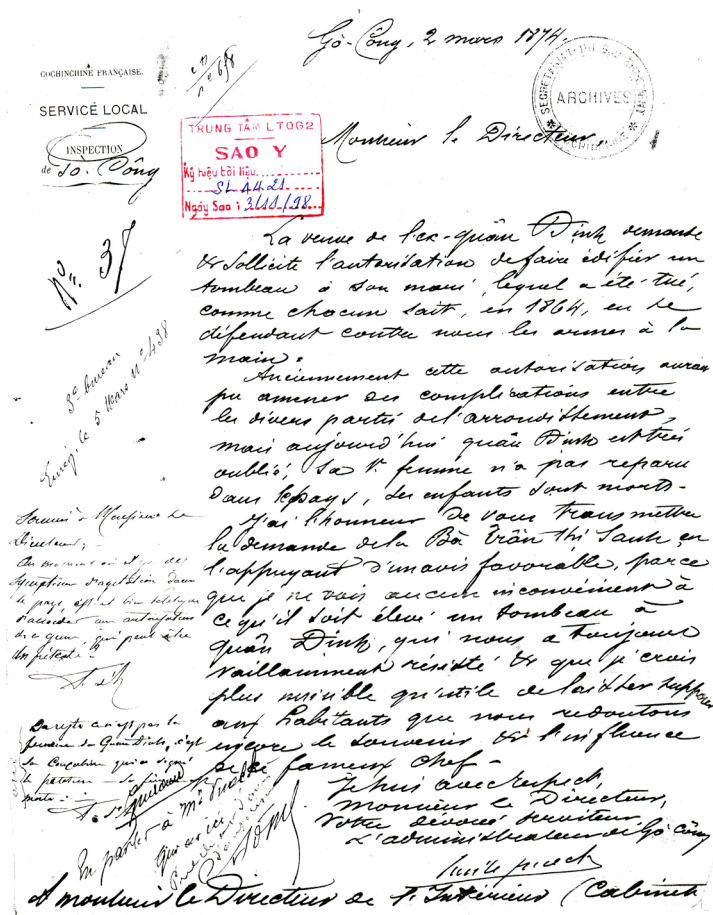
Quả phụ của Quản Định viết đơn và cầu xin được phép làm ngôi mộ cho chồng vốn đã chết, như

mọi người đều biết, vào năm 1864, giữa khi cảm khí giới chống trả chúng ta.

Trước đây không thể cho phép như thế này vì sẽ gây ra rắc rối giữa các phe của quận huyện nhưng nay ai nấy đã quên hẳn Quản Định, chính thất của y không trở về lại đây, con cái chết hết.

Tôi trân trọng chuyển đến Giám đốc đơn xin của bà Trần Thị Sanh kèm theo ý kiến chấp thuận vì tôi không thấy trở ngại gì trong việc xây mộ cho Quản Định vốn xưa nay dũng cảm chống trả chúng ta và tôi thiết tưởng sẽ có hại hơn là có lợi nếu để cho dân chúng tưởng rằng chúng ta vẫn còn sợ hình ảnh và ảnh hưởng của người chỉ huy nổi tiếng ấy.

Kính chào Giám đốc. Thuộc hạ tận tụy của Ngài. Ký tên Esmile Pirech (Tham biện Gò Công). Kính gửi Giám đốc Sở Nội vụ.



Hình 3. Tờ trình của Esmile Pirech, Tham biện Gò Công gửi Giám đốc Sở Nội vụ của Pháp ở Sài Gòn, trình bày lý do Tham biện Gò Công đã chấp thuận cho bà Trần Thị Sanh sửa mộ Trương Định.<sup>(12)</sup>

Ngôi mộ Trương Định được xây mới bằng đá hoa cương, có 3 bức hoành phi và 6 trụ đá ghi lại thân thế và sự nghiệp của ông. Một lần nữa, các hoành phi và trụ đá lại bị Pháp ra lệnh đục bỏ... Sau khi bà Sanh qua đời (1882), ngôi mộ không có người chăm sóc trở nên hoang phế. Tưởng nhớ công ơn bà ngoại, bà Huỳnh Thị Diệu (tức bà Phủ Hải, cháu ngoại bà Trần Thị Sanh) cho sửa chữa lại. Trước Cách mạng tháng 8/1945, ngôi mộ lại được trùng tu, tấm bia được khắc lại có nội dung:

“Đại Nam Thần Đồng, Đại Tướng Quân, truy tặng Ngũ Quân, Ngũ Quận Công, Trương Công Định chi mộ”, kể bên phải là dòng chữ nhỏ: “Tốt ư Giáp Tý, thất nguyệt thập bát nhật” (mất ngày 18 tháng 7 năm Giáp Tý) và kể bên trái đề “Trần Thị Sanh lập thạch”.

Bia cuối mộ cũng có mái che trên bia khắc hai chữ “Trung nghĩa”.

Trước mộ có đôi câu liên:

“Sơn hà thu chính khí  
Nhật nguyệt chiếu đan tâm”

Có nghĩa:

Núi sông thu chính khí  
Nhật nguyệt chói lòng son

Từ năm 1972 đến năm 1973 xây thêm đền thờ. Lăng mộ và đền thờ Trương Công Định tại đường Lý Thường Kiệt, thị xã Gò Công đã được Bộ Văn hóa-Thông tin công nhận là Di tích lịch sử-văn hóa quốc gia từ ngày 6 tháng 12 năm 1989.

Việc xây cất, trùng tu, khắc bia biển mộ phần, vinh danh người anh hùng Trương Định lẽ ra là trách nhiệm của triều đình Huế. Nhưng triều



Hình 4. Lăng mộ Trương Công Định ở đường Lý Thường Kiệt, thị xã Gò Công. Ảnh NĐX.



Hình 5. Lăng mộ bà Trần Thị Sanh toàn bằng đá hoa cương tại khu phố 2, phường 5, thị xã Gò Công. Ảnh NĐX.

đình không thể làm việc đó trên đất Nam Kỳ thuộc địa của Pháp mà chỉ thực hiện được ở quê hương của Trương Định là xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi mà thôi. Vì thế bà Trần Thị Sanh và cháu của bà làm công việc đó có giá trị như thay mặt triều đình Huế mà làm vậy.

Bà Trần Thị Sanh làm “vợ nhỏ” của Trương Định hẳn không phải chỉ vì tình mà chính là vì nhiệm vụ của triều Nguyễn. Bà là chiếc cầu nối giữa nhà yêu nước Trương Định với triều Nguyễn, thể hiện những hoạt động ngầm chống Pháp của vua Tự Đức. Có thể nói cuộc kháng chiến chống Pháp của Trương Định ở Nam Kỳ không nằm ngoài chủ trương của vua Tự Đức.

*Gác Thạ Lộc (Huế), 12/2011*

**N Ñ X**

## CHÚ THÍCH

- (1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, Đệ tứ kỷ, Q.XXVII, bản dịch, tập 7, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr. 733.
- (2) Cao Xuân Dục (chủ biên), *Quốc triều chánh biên toát yếu*, Nhóm Nghiên cứu lịch sử Việt Nam, Sài Gòn, 1972, tr. 317.
- (3) Cao Xuân Dục (chủ biên), *Sdd*, tr. 319.
- (4) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Sdd*, tập 7, tr. 783.
- (5) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Sdd*, tập 7, tr. 797.
- (6) Trích trong *Võ Duy Dương với cuộc kháng chiến Đồng Tháp Mười*, công trình biên khảo của Tổ Nghiên cứu lịch sử dân tộc, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp, Nguyễn Hữu Hiếu chủ biên, Nxb Đồng Tháp, 1992, tr. 279.
- (7) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Sdd*, tập 8, tr. 81-82.
- (8) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Sdd*, tập 8, tr. 283.
- (9) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Sdd*, tập 8, tr. 461.
- (10) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Nhị tập, bản dịch, tập 3, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 181.
- (11) Bà Sanh tái giá với Trương Định vào khoảng năm 1862, không hiểu sao trong lá đơn này lại khai là năm Kỷ Dậu - 1849. Không rõ là do nhầm lẫn hoặc do cố tình khai như thế để chứng tỏ bà không liên hệ gì với các hoạt động chống Pháp của Trương Định chăng?
- (12) Cục Lưu trữ Trung ương II, TP Hồ Chí Minh, ký hiệu E.02-93 TĐBCCPNV.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, Đệ tứ kỷ, bản dịch, tập 7 và tập 8, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006.
2. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Nhị tập, bản dịch, tập 3, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006.
3. Cao Xuân Dục (chủ biên), *Quốc triều chánh biên toát yếu*, Nhóm Nghiên cứu lịch sử Việt Nam, Sài Gòn, 1972.
4. Cục Lưu trữ Trung ương II, TP Hồ Chí Minh, ký hiệu E.02-93 TĐBCCPNV. (Tài liệu do ông Phạm Đăng Phùng, hậu duệ của đại thần Phạm Đăng Hưng cung cấp).
5. Nguyễn Hữu Hiếu (chủ biên), *Võ Duy Dương với cuộc kháng chiến Đồng Tháp Mười*, công trình biên khảo của Tổ Nghiên cứu lịch sử dân tộc, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp, Nxb Đồng Tháp, 1992.
6. Grimald, *Monographie de la Province de Gò Công*, 1936 (Tài liệu do ông Phạm Đăng Phùng, hậu duệ của đại thần Phạm Đăng Hưng cung cấp).
7. Hoàng Ngọc Hùng, *Trở lại Gò Công* (tập tư liệu chưa xuất bản).
8. *Khâm tu Phạm Đăng thị Bình chi phổ* (Tộc phả Phạm Đăng, chi Bình - Phạm Đăng Hưng)
9. Gặp gỡ các ông Phạm Đăng Phùng (Bảo Lộc, Lâm Đồng), Phạm Đăng Thiêm (Kim Long, Huế), Dương Hữu Trí (cháu ngoại, thủ từ nhà thờ bà Trần Thị Sanh tại Gò Công, Tiền Giang).
10. Tài liệu điền dã tại Kim Long (Huế) và Gò Công (Tiền Giang).

## TÓM TẮT

Bài viết tìm hiểu về chủ trương của triều đình Huế mà cụ thể là vua Tự Đức đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Trương Định ở Nam Kỳ. Từ chính sử của triều Nguyễn, có thể thấy Trương Định được triều đình xem như một vị trung thần đã khảng khái, anh dũng xả thân vì công cuộc chống Pháp. Do hoàn cảnh phải đối phó với thực dân Pháp trong thế yếu, nên khi thuận lợi thì khen thưởng kịp thời để động viên, khi thủ thách khó khăn thì lãnh đạo bí mật chứ chưa bao giờ vua Tự Đức buộc Trương Định phải ngưng chiến.

Từ một số tư liệu của Pháp và của dòng họ Phạm Đăng mới khảo sát được, tác giả cho biết, ngoài việc lãnh đạo trực tiếp (bằng con đường công khai hay bí mật), vua Tự Đức còn phó thác cho dòng họ ngoại của mình ở Gò Công huy động tài lực ủng hộ cho Trương Định. Vì vậy, có thể khẳng định rằng, cuộc kháng chiến chống Pháp của Trương Định ở Nam Kỳ không nằm ngoài chủ trương của vua Tự Đức.

## ABSTRACT

### TRƯƠNG ĐỊNH'S UPRISING AGAINST THE FRENCH WAS NOT BEYOND THE POLICY OF EMPEROR TỰ ĐỨC

The article explores the policy of Huế Imperial Court, and Emperor Tự Đức in particular, on Trương Định's resistance war against the French in the South of Vietnam. From the history written by the Nguyễn Imperial Court, it can be seen that Trương Định was considered as a loyal who heroically sacrificed himself for the cause of fighting against the French. Under the circumstances of dealing with the French in disadvantageous position, Emperor Tự Đức, when in favorable conditions, quickly rewarded Trương Định to encourage him, and secretly directed him when in difficult conditions, but he never forced Trương Định to stop war.

On surveying both French and the Phạm Đăng family's documentary, the author reckoned that, in addition to the direct leadership (by way of public or secret), Emperor Tự Đức entrusted his relatives from maternal side in Gò Công with the task of mobilizing financial support for Trương Định. Thus, it can be affirmed that Trương Định's resistance war against the French was not beyond the policy of the Emperor Tự Đức.